

Bản án số: 258/2026/HNGĐ-ST
Ngày 22 - 5 - 2026
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Ngô Tấn Nhựt.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Nguyễn Thị Ánh Minh và ông Nguyễn Văn Thông.

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Ngọc Luông - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5-Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Đà Nẵng tham gia phiên toà: bà Phạm Thị Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5- Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 313/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2025 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Toà án nhân dân khu vực 5- Đà Nẵng giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Lương Thụy Quỳnh V, sinh năm 1987. Địa chỉ: thôn T, xã T, thành phố Đà Nẵng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: ông Phạm Hồng H, sinh năm 1984. Địa chỉ: thôn T, xã T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” ngày 15/12/2025, bản tự khai, lời trình bày của nguyên đơn bà Lương Thụy Quỳnh V thể hiện:

- Về quan hệ hôn nhân: bà và ông H tự nguyện tìm hiểu và xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (cũ) vào năm 2006. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông H thường uống rượu về chửi bới vợ con. Hiện nay, bà cảm thấy không thể tiếp tục chung sống với ông H được nữa nên bà yêu cầu Toà án nhân dân khu vực 5- Đà Nẵng giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Hồng H.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có với nhau 02 người con chung là cháu **Phạm Văn T**, sinh ngày 27/7/2006 và cháu **Phạm Như D**, sinh ngày 11/10/2012. Hiện tại cháu **Phạm Văn T** đã đủ 18 tuổi nên bà không yêu cầu Toà án giải quyết. Còn đối với cháu **Phạm Như D**, sinh ngày 11/10/2012 bà có nguyện vọng và yêu cầu Toà án giao cháu **D** cho bà được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu **D** trưởng thành đủ 18 tuổi, bà không yêu cầu ông **Phạm Hồng H** cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về chia tài sản khi ly hôn: bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

*Theo bản tự khai của ông **Phạm Hồng H** ngày 08/01/2026, lời trình bày tại biên bản hoà giải ngày 08/01/2026 thể hiện:* Về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung: ông thống nhất theo lời trình bày của bà **V** và quá trình xác lập quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung của ông và bà **V**. Hiện nay bà **V** có yêu cầu ly hôn ông xét thấy vợ chồng mâu thuẫn chủ yếu là bất đồng quan điểm sống, tuy nhiên chưa đến mức trầm trọng nên ông không đồng ý ly hôn. Nếu bà **V** kiên quyết ly hôn đề nghị Toà án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung hiện nay đã lớn nên nguyện vọng con ở với ai là quyền của con, ông không có ý kiến gì. Về chia tài sản khi ly hôn ông cũng không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Thẩm phán được phân công trực tiếp giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án, về việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu để tham gia xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn với bị đơn ông **Phạm Hồng H**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: bà **Lương Thụy Quỳnh V** có đơn khởi kiện về việc ly hôn đối với ông **Phạm Hồng H** có nơi cư trú tại: **thôn T, xã T, thành phố Đà Nẵng**. Toà án xác định đây là quan hệ pháp luật hôn nhân gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” và xác định bị đơn ông **Phạm Hồng H** có nơi cư trú tại **thôn T, xã T, thành phố Đà Nẵng**. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 5-Đà Nẵng.

[2] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Bị đơn ông **Phạm Hồng H** đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt. Xét thấy việc xét xử vụ án vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét về quan hệ hôn nhân giữa bà **V**, ông **H**: Hội đồng xét xử xét thấy các bên đã xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **T**, huyện **N**, tỉnh **Quảng Nam** (cũ) vào năm 2006. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Qua lời trình bày của các đương sự trong vụ án và kết quả xác minh thể hiện trong quá trình chung sống với nhau giữa bà **V** và ông **H** phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông **H** thường gây gổ và đánh đập bà **V** nhưng bà **V** không báo cáo sự việc đến Chính quyền địa phương để được giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hoà giải cho các bên đoàn tụ gia đình nhưng các bên không thống nhất, bà **V** vẫn kiên quyết ly hôn. Xét thấy, hiện tại hôn nhân của bà **V**, ông **H** lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà **V**, cho bà **V** được ly hôn với ông **H**.

[2.2] Về quan hệ con chung: bà **V** và ông **H** có với nhau 02 người con chung là cháu **Phạm Văn T**, sinh ngày 27/7/2006 và cháu **Phạm Như D**, sinh ngày 11/10/2012. Hiện tại cháu **Phạm Văn T** đã đủ 18 tuổi nên bà **V** không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn đối với cháu **Phạm Như D**, sinh ngày 11/10/2012 bà có nguyện vọng và yêu cầu Tòa án giao cháu **D** cho bà được trực tiếp nuôi dưỡng, Hội đồng xét xử xét thấy như vậy là phù hợp và đảm bảo được nguyện vọng của cháu **D** được ở cùng với mẹ, ông **H** cũng thống nhất theo nguyện vọng của cháu **D**. Do đó, cần giao cháu **D** cho bà **V** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Do bà **V** không yêu cầu cấp dưỡng nên không đề cập giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản khi ly hôn: Các bên đương sự không có yêu cầu nên HĐXX không đặt vấn đề giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Từ những nhận định nêu trên, xét thấy ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5- Đà Nẵng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên cần phải chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thụy Quỳnh V về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” với bị đơn ông Phạm Hồng H.

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Lương Thụy Quỳnh V được ly hôn với ông Phạm Hồng H.

2. Về con chung: Giao 01 người con chung là cháu Phạm Như D, sinh ngày 11/10/2012 cho bà Lương Thụy Q Vy trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu D trưởng thành đủ 18 tuổi. Ông Phạm Hồng H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà V không có yêu cầu.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản họ thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế việc thăm nom của người đó. Khi cần thiết các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản khi ly hôn: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn bà Lương Thụy Quỳnh V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà V đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007219 lập ngày 17 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Bà V đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 5- Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- UBND xã Tam Mỹ (xã Tam Mỹ Tây cũ), thành phố Đà Nẵng theo Giấy CNKH số 18, ngày 13/3/2006 để ghi vào sổ hộ tịch;
- Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ + án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ngô Tấn Nhựt

a

